CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Đầu tư PV2

Ngày 30/06/2025	2,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-3.8%	**-**	**0%**

DT thuần
Q2/25
0
tỷ VNĐ

LN thuần
Q2/25
-1.84
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.39| -435%
YoY: ▼1.33| -261%

LN sau thuế
Q2/25
-1.85
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.40| -436%
YoY: ▼1.34| -263%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25

ROE (TTM)
Q2/25
-8.5%
YoY: +/-▼ 0.6%

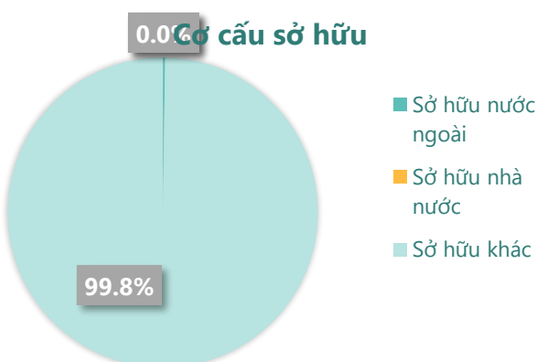
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	2,200 - 4,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	92
Số lượng CPLH (CP)	36,868,800
KLGD BQ 20 phiên (CP)	161,900
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	1.13
EPS	-551
P/E	-4.5

DT thuần
6T 2025
0
tỷ VNĐ

LN thuần
6T 2025
-1.29
tỷ VNĐ
YoY: ▼3.01| -175%

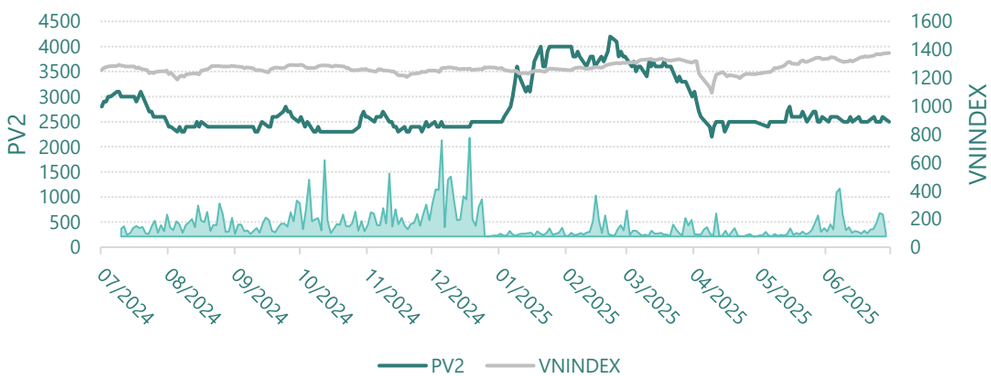
LN sau thuế
6T 2025
-1.30
tỷ VNĐ
YoY: ▼3.02| -175%

Cơ cấu sở hữu

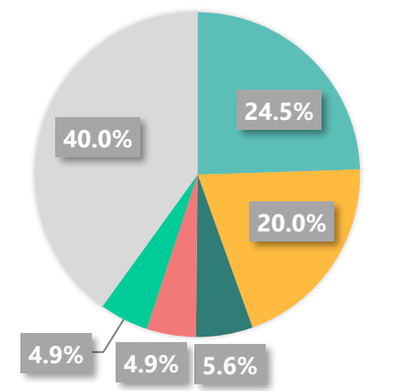


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



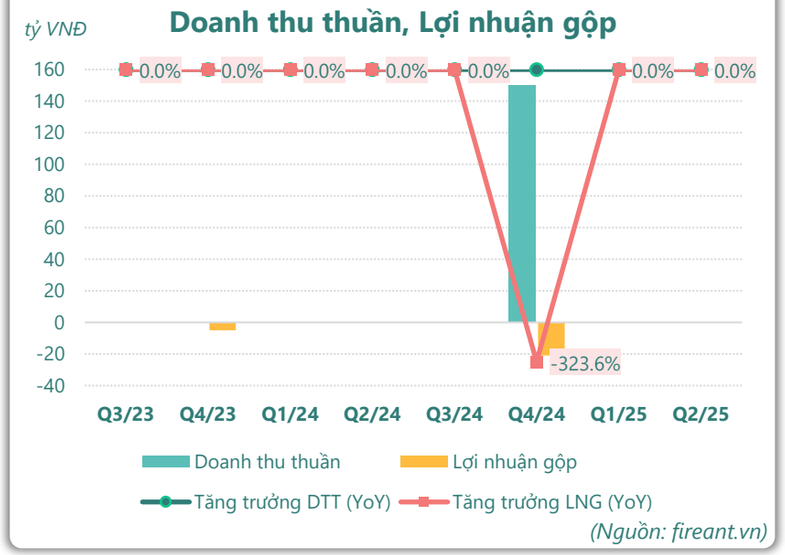
Cơ cấu cổ đông



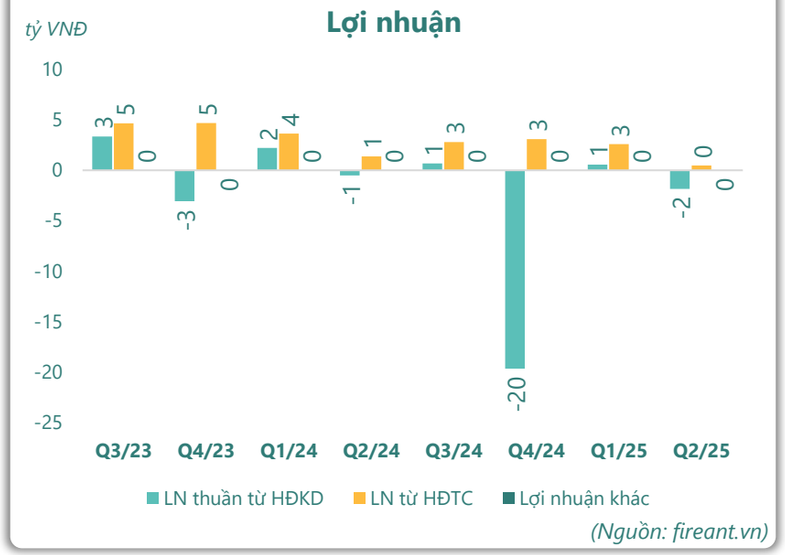
- Nguyễn Phúc Anh (Chủ tịch HĐQT)
- Chu Minh Châu
- Nguyễn Anh Tuấn (Thành viên HĐQT)
- Khoa Anh Thắng
- Tôn Thiện Việt
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

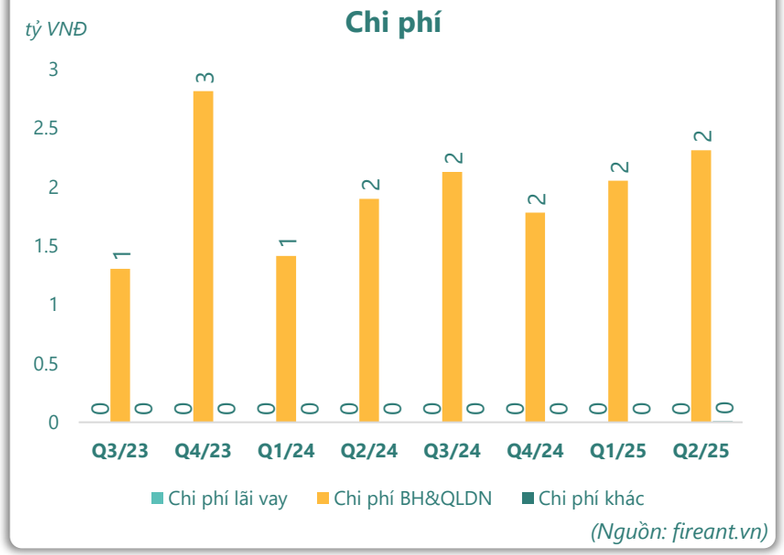
KẾT QUẢ KINH DOANH



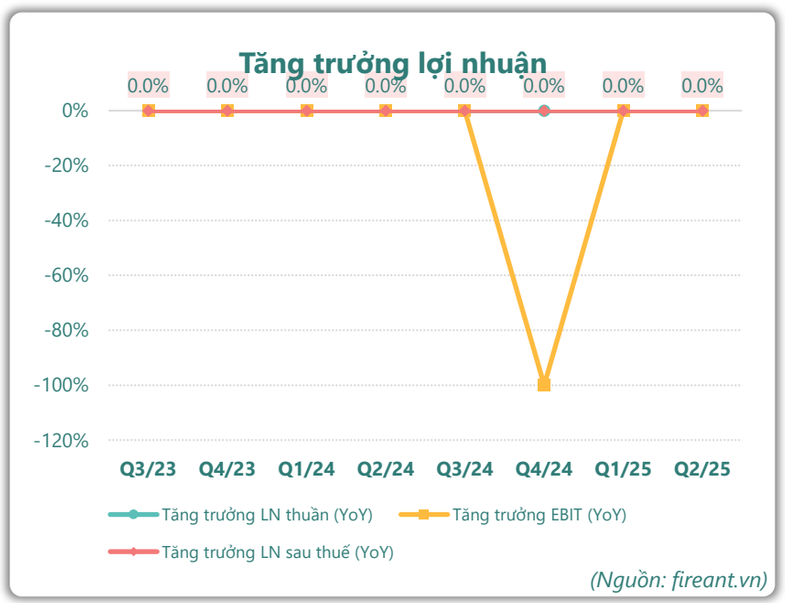
(Nguồn: fireant.vn)



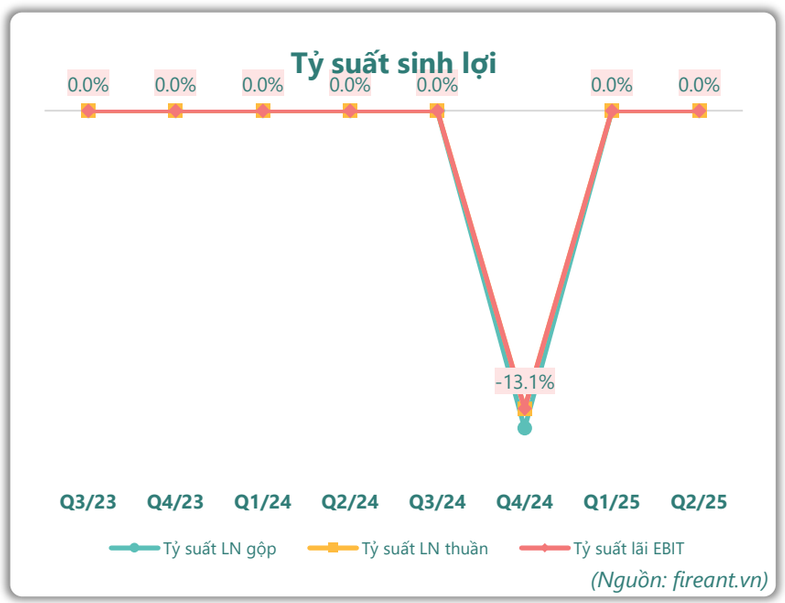
(Nguồn: fireant.vn)



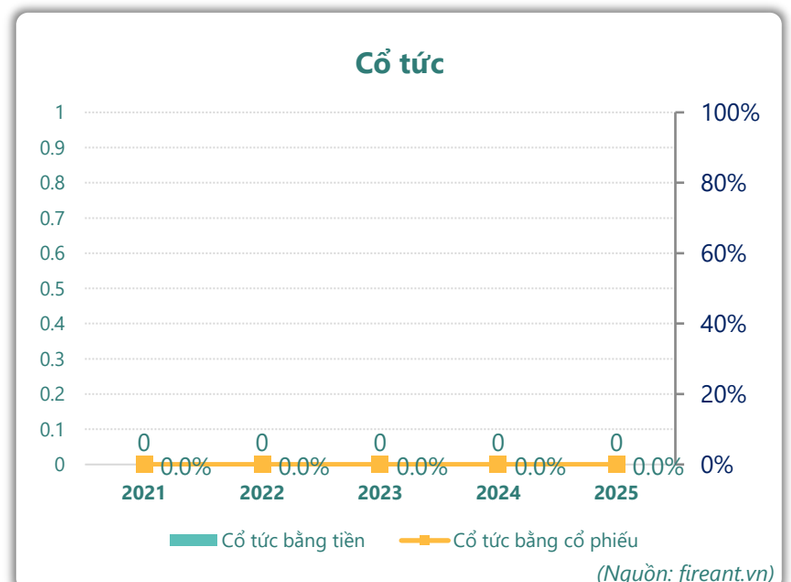
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



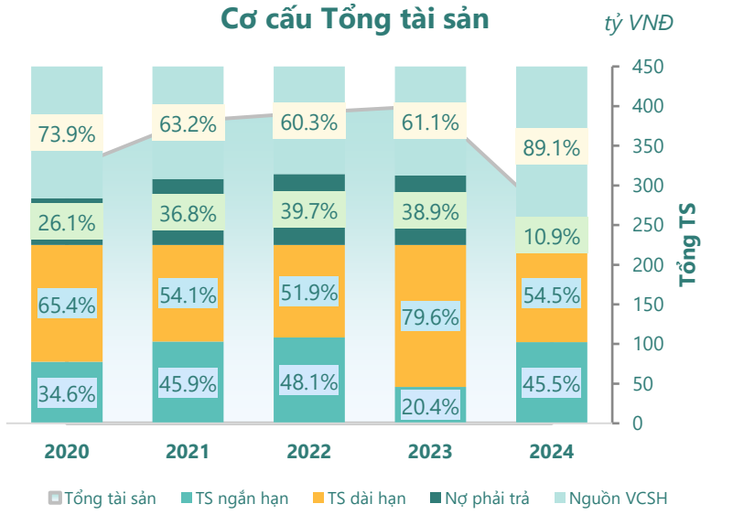
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

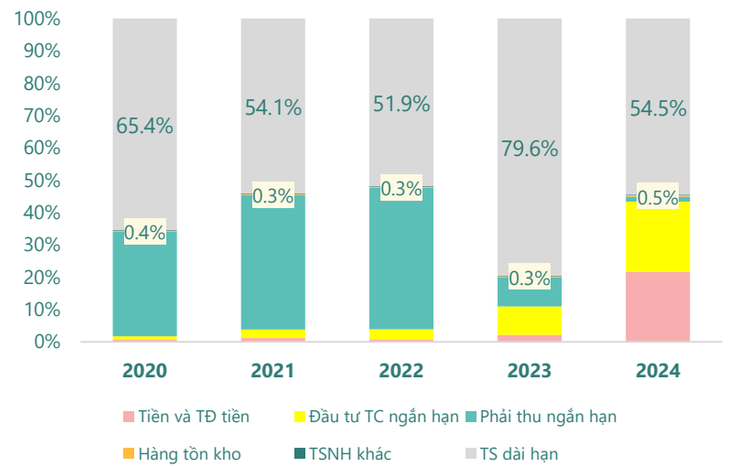
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



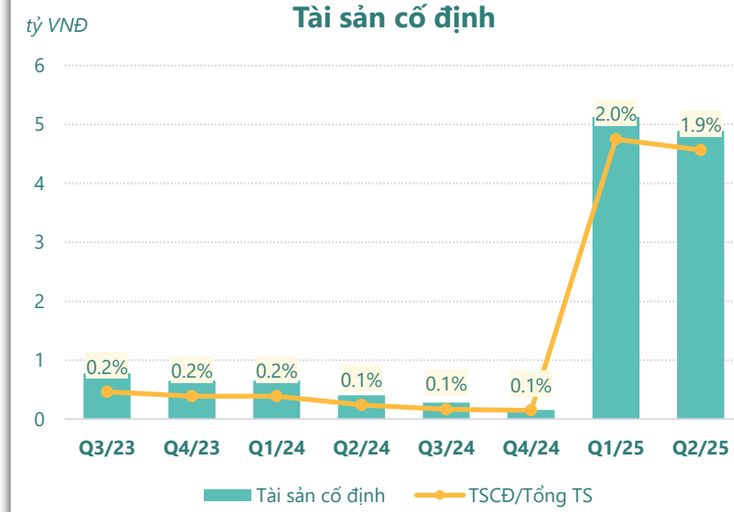
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



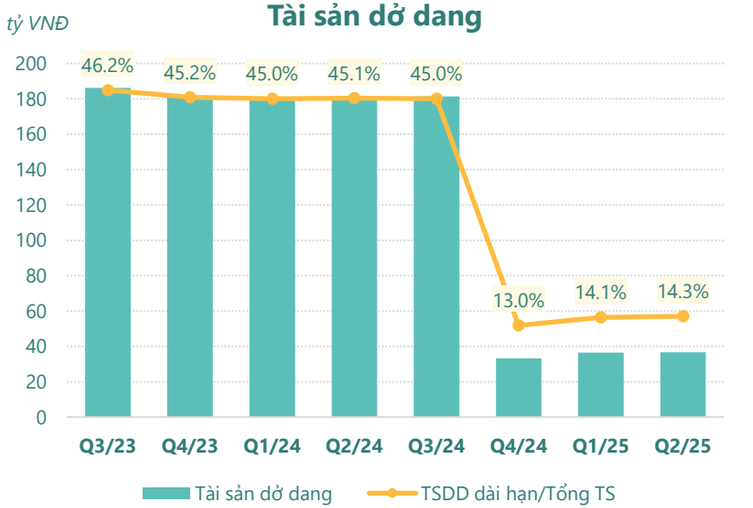
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



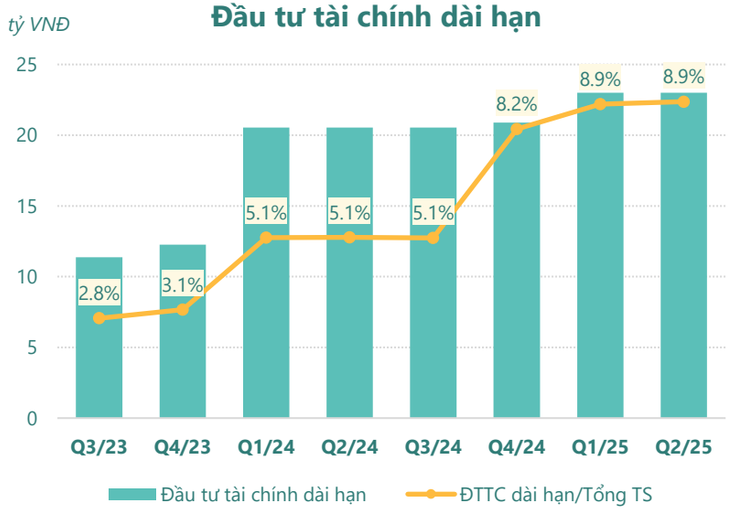
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



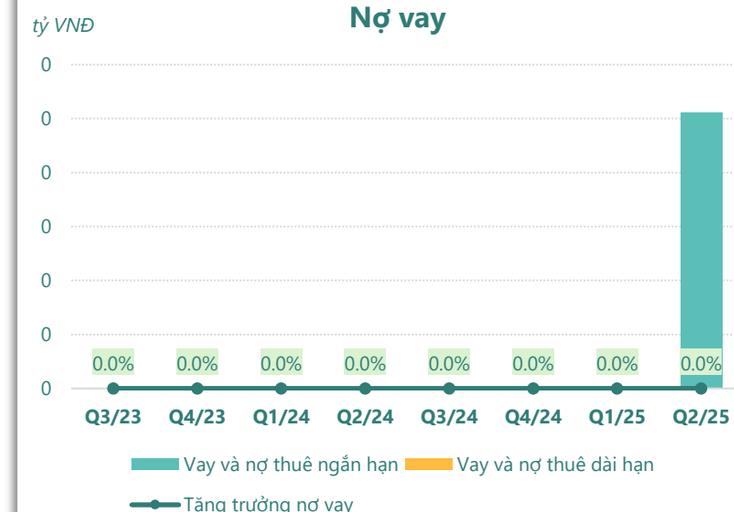
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

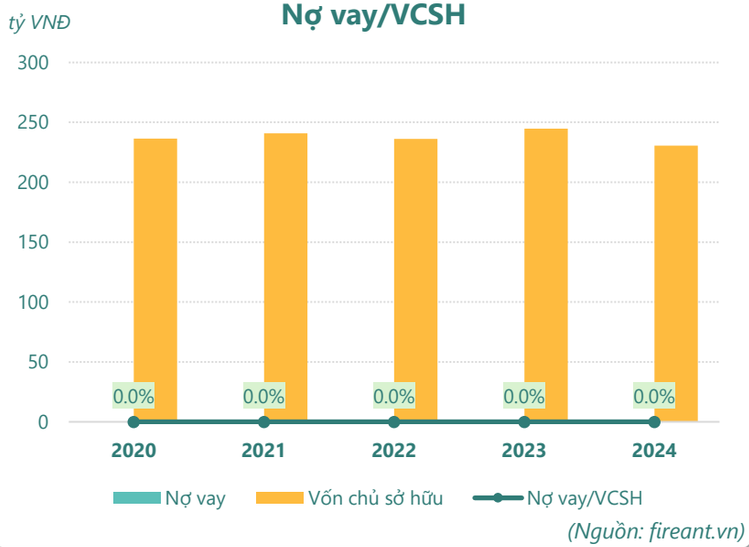
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

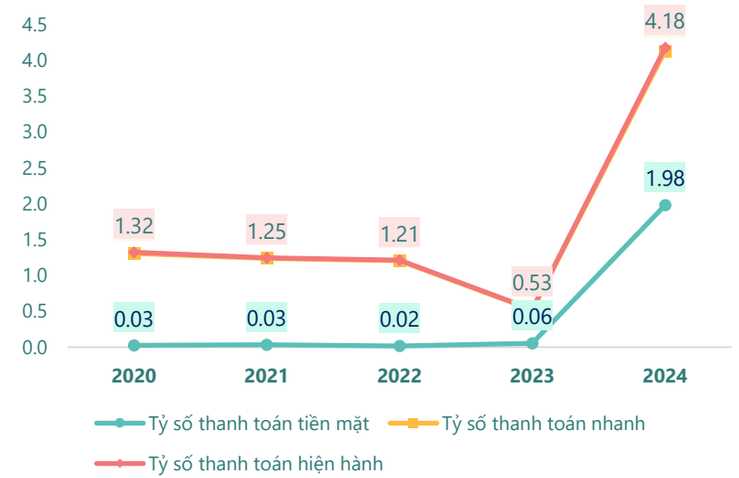
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



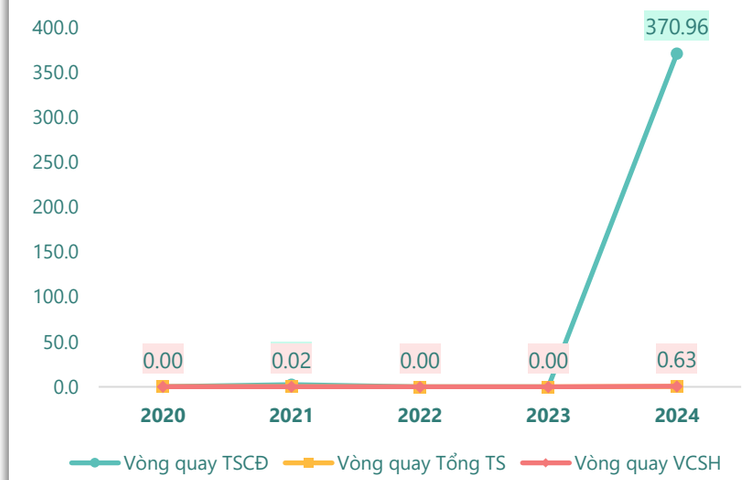
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



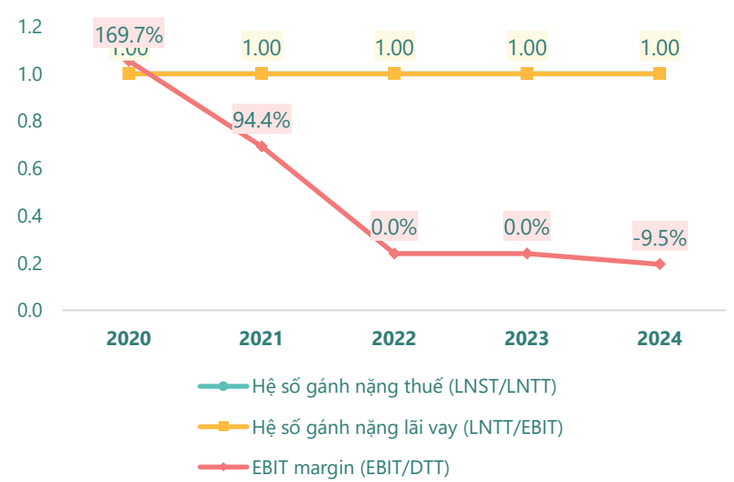
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



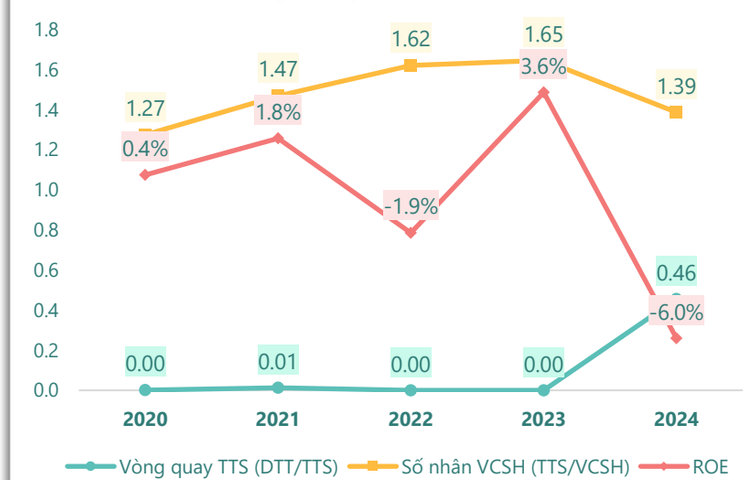
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



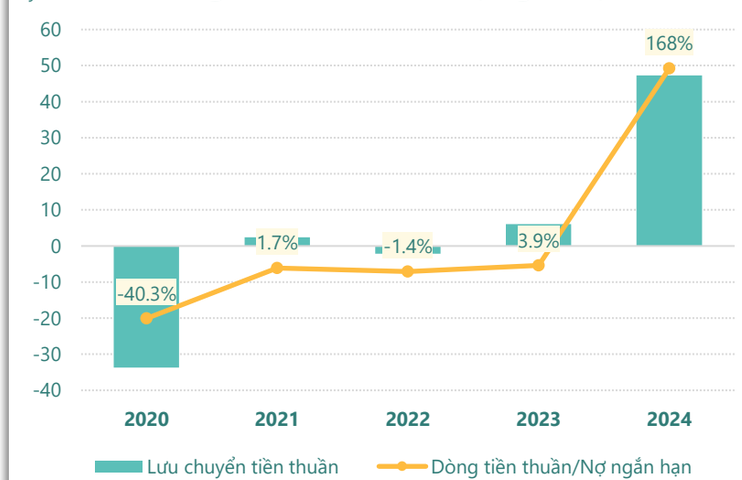
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Giá vốn hàng bán	0	0.00		0	0	
Lợi nhuận gộp	0	0.00		0	0	
Doanh thu HĐTC	1.40	3.03	-53.9%	3.55	6.04	-41.2%
Chi phí TC	0.92	1.63	-43.3%	0.47	1.00	-52.8%
Chi phí lãi vay	0.00	0.00		0.00	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**2.31**	**1.90**	**21.8%**	**4.37**	**3.32**	**31.8%**
LN thuần từ HĐKD	-1.84	-0.51	-261%	-1.29	1.72	-175%
Lợi nhuận khác	**-0.01**	**0.00**		**-0.01**	**0**	
LN trước thuế	-1.85	-0.51	-263%	-1.30	1.72	-175%
Lợi nhuận sau thuế	**-1.85**	**-0.51**	**-263%**	**-1.30**	**1.72**	**-175%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-1.85**	**-0.51**	**-263%**	**-1.30**	**1.72**	**-175%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	18.7	33.2	15.1	-121	-6.50	-12.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-24.2	35.4	-21.3	111	-18.0	10.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0.22	-0.23
Tiền đầu kỳ	8.57	3.05	71.7	65.5	55.9	31.6
Lưu chuyển tiền thuần	**-5.52**	**68.6**	**-6.15**	**-9.65**	**-24.3**	**-2.99**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	3.05	71.7	65.5	55.9	31.6	28.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**257**	**259**	**-0.7%**
Tài sản ngắn hạn	102	118	-13.6%
Tiền và tương đương tiền	28.6	55.9	-48.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	69.3	56.4	22.9%
Phải thu ngắn hạn	1.59	3.77	-58.0%
Hàng tồn kho	1.22	1.22	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	1.12	0.56	98.6%
Tài sản dài hạn	**155**	**141**	**10.1%**
Phải thu dài hạn	90.6	83.4	8.6%
Tài sản cố định	4.89	0.16	2999%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	36.6	36.4	0.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	23.0	20.8	10.3%
Tài sản dài hạn khác	**0.06**	**0.09**	**-39.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	27.7	28.2	-1.8%
Nợ ngắn hạn	**27.7**	**28.2**	**-1.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.01	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.03	0.02	60.0%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**229**	**231**	**-0.6%**
Vốn chủ sở hữu	**229**	**231**	**-0.6%**
Vốn điều lệ	374	374	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)